

**TỔNG HỢP 04 BẢN ÁN KHỎI KIẾN QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH, HÀNH VI HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI VIỆC TỪ CHỐI CÔNG CHỨNG, CHỨNG THỰC**

STT	Số hiệu bản án	Ngày ban hành	Tòa án	TÊN VÀ NỘI DUNG BẢN ÁN	File Bản án đính kèm
1.	02/2017/HC-PT	08/09/2017	TAND tỉnh Thái Bình	<p><b>Bản án số 02/2017/HC-PT ngày 08/09/2017 của TAND tỉnh Thái Bình V/v khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực c mở thừa kế.</b></p> <p><b>Thông tin chung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính đối với việc từ chối công chứng, chứng thực</li> <li>- Cấp xét xử: Phúc thẩm</li> <li>- Loại án: Hành chính</li> <li>- Tòa án xét xử: TAND tỉnh Thái Bình</li> <li>- Áp dụng án lệ: Không</li> <li>- Thông tin về vụ án: Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực mở thừa kế</li> </ul> <p><b>Tóm tắt nội dung vụ án:</b></p> <p>Ông Th và ông Nh là cháu ruột cụ Trần Thị D. Ngày 02/8/2011, cụ D có giao cho ông Th và ông Nh quyền thừa kế tài sản gồm 432 m<sup>2</sup> đất ở, 324 m<sup>2</sup> đất ao, đất canh tác 864m<sup>2</sup> + 108m<sup>2</sup>, ngày 25/01/2013 cụ D chết.</p> <p>Theo hướng dẫn số 115/UBND-TTr ngày 16/3/2016 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện HH hướng dẫn UBND xã H mở thừa kế theo quy định của pháp luật. Ngày 23/3/2016, ông Nh là người trực tiếp đến UBND xã H nộp tài liệu cho ông Trần Hữu Đ là cán bộ tư pháp xã và có giấy biên nhận về việc tiếp nhận hồ sơ theo đơn thực hiện mở thừa kế. Cuối trang giấy biên nhận có ghi đã vào sổ chứng nhận hợp đồng của UBND xã H, có chữ ký của người tiếp nhận đơn là cán bộ tư pháp xã ông Trần Hữu Đ và chữ ký của Chủ tịch UBND xã ông Trần Hữu S xác nhận và đóng dấu. UBND xã H đã niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã và thông báo trên loa truyền thanh xã về việc các ông yêu cầu mở thừa kế di sản của cụ D để lại.</p> <p>Đến ngày 04/4/2016, hết thời hạn niêm yết công khai nhưng ông Trần Hữu S không thực hiện việc hoàn tất thủ tục mở thừa kế và không đưa ra lý do giải thích cho việc không thực hiện. Theo ông Th thì đây là hành vi vi phạm hành chính của ông Sơn theo Thông tư số 04/2006/TTLT/BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp</p>	<p><a href="https://drive.google.com/file/d/1mSb7jiv8Uostk6zsJrNlcqOwB6jdxXz5/vi-ew?usp=sharing">https://drive.google.com/file/d/1mSb7jiv8Uostk6zsJrNlcqOwB6jdxXz5/vi-ew?usp=sharing</a></p>

và Bộ Tài nguyên và Môi trường, Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ và Quyết định số 1136/2015/BTP ngày 22/6/2015 của Bộ Tư pháp.

Theo ông Th, giấy mời họp ngày 08/4/2016 của UBND xã H với nội dung về việc phân chia di sản của cụ D là hoàn toàn trái pháp luật và tự ý hủy bỏ quyền hạn của di chúc đã được lập. Việc phân chia di sản thừa kế chỉ được thực hiện khi không có di chúc và các ông không có yêu cầu phân chia di sản. Ông S đã quên mất hiệu lực của di chúc (Điều 667 Bộ luật dân sự) khi đã mở thừa kế tại nơi cư trú cuối cùng của người để lại tài sản. Giấy mời họp do ông S ký là hành vi vi phạm pháp luật, không đúng thẩm quyền, chức năng, tự ý xóa bỏ tính hợp pháp của di chúc mà người chết đã thể hiện ý chí và nguyện vọng, xâm phạm đến tâm linh và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam, trong đó có dòng họ, gia tộc.

Ngày 01/7/2016, ông Th đã khởi kiện ông Trần Hữu S - Chủ tịch UBND xã H ra Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà. Vì hành vi không thực hiện làm văn bản nhận di sản thừa kế khi đã hết thời hạn niêm yết công khai (theo giấy tiếp nhận hồ sơ mở thừa kế ngày 23/3/2016, UBND xã H hẹn ngày 04/4/2016 hoàn tất thủ tục) và hành vi ban hành giấy mời họp phân chia di sản thừa kế của ông Sơn đã xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân theo Điều 3, Điều 5, Điều 8 Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Điều 633, Điều 169, Điều 170 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên ông Th cũng thừa nhận hành vi không thực hiện mở di chúc và ban hành giấy mời họp phân chia di sản thừa kế của ông S không gây thiệt hại về vật chất, về kinh tế nên ông không yêu cầu bồi thường, chỉ đề nghị Tòa án làm rõ những sai phạm của ông Sơn theo Điều 7 và Điều 15 Nghị định 157/2007; Điều 36 Luật công chức xã, phường; Luật công chứng 2014; Nghị định 29/2015 và xử lý những sai phạm của ông Sơn theo quy định pháp luật trong thực hiện công vụ.

#### **Tòa Sơ thẩm tuyên:**

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu Th đối với ông Trần Hữu S, Chủ tịch UBND xã H, huyện HH, tỉnh Thái Bình về khiếu kiện hành vi hành chính trong việc không thực hiện làm văn bản nhận di sản thừa kế khi đã hết thời hạn niêm yết công khai và ban hành giấy mời trái pháp luật.

#### **Tòa Phúc thẩm tuyên**

1. Bác kháng cáo của ông Trần Hữu Th và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 01/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.
2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu Th đối với UBND xã H, huyện HH, tỉnh Thái Bình về khiếu kiện hành vi hành chính trong việc không thực hiện làm văn bản nhận di sản thừa kế khi đã hết thời hạn niêm yết công khai và ban hành giấy mời trái pháp luật.

#### **Cơ sở pháp lý:**

				<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Luật Tổ tụng hành chính 2015: Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 193; điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 4 Điều 225, khoản 1 Điều 241</li> <li>2. Bộ luật Dân sự 2005: Điều 633</li> <li>3. Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015: Điều 36</li> <li>4. Luật công chứng 2014: Điều 57</li> <li>5. Nghị định 23/2015/CP ngày 16/02/2015</li> <li>6. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Điều 32, 34, 48</li> </ol>	
2.	07/2018/ HC-PT	26/09/2018	TAND tỉnh Bình Phước	<p><b>Bản án số 07/2018/HC-PT ngày 26/09/2018 của TAND tỉnh Bình Phước V/v “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chứng thực”</b></p> <p><b>Thông tin chung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính đối với việc từ chối công chứng, chứng thực</li> <li>- Cấp xét xử: Phúc thẩm</li> <li>- Loại án: Hành chính</li> <li>- Tòa án xét xử: TAND tỉnh Bình Phước</li> <li>- Áp dụng án lệ: Không</li> <li>- Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh. Hủy bản án sơ thẩm</li> </ul> <p><b>Tóm tắt nội dung vụ án:</b></p> <p>Cụ ông Đỗ Văn K (chết ngày 28/4/1994), cụ bà Nguyễn Thị C (chết ngày 08/4/1998) là ông nội, bà nội của bà Phạm Thị N. Cụ K, cụ C có những người con sau: ông Đỗ Văn T1 chết ngày 23/7/2008; ông Đỗ Văn T2 chết ngày 01/01/1983; ông Đỗ Văn B chết ngày 23/01/1971; bà Đỗ Thị T3 chết ngày 14/8/2009. Bà N là con của ông Đỗ Văn B. Cụ Đỗ Văn K chết để lại tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 3.917m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 85, tờ bản</p>	<a href="https://drive.google.com/file/d/1_4DUM2hk65LDbibIK51HJDztQq7Ka685/view?usp=sharing">https://drive.google.com/file/d/1_4DUM2hk65LDbibIK51HJDztQq7Ka685/view?usp=sharing</a>

đồ số 16, tọa lạc tổ 5, ấp 3, xã F (nay là khu phố T, thị trấn L), huyện L, tỉnh Bình Phước. Thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/9/1989 đứng tên cụ Đỗ Văn K. Tài sản gắn liền với đất gồm: 01 căn nhà tạm, kết cấu vật liệu gỗ, diện tích sử dụng khoảng 60m<sup>2</sup> và cây ăn quả trên đất. Sau khi cụ K chết thì toàn bộ tài sản trên chưa được mở thừa kế và chưa phân chia thừa kế theo pháp luật cho những người được hưởng quyền thừa kế.

Ngày 13/9/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L đã chứng thực Văn bản phân chia tài sản thừa kế và Văn bản nhận tài sản thừa kế đối với tài sản của cụ Đỗ Văn K cho ông Lư Hoàng D1, cụ thể là: Văn bản chứng thực số 22, quyền số 01/TP/CT-SCT-HĐGD ngày 13/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L về việc chứng thực văn bản phân chia tài sản thừa kế; Văn bản chứng thực số 23, quyền số 01/TP/CT-SCT-HĐGD ngày 13/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L về việc chứng thực văn bản nhận tài sản thừa kế.

Bà N biết được 02 Văn bản chứng thực trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L là vào đầu năm 2012. Tuy nhiên, đến đầu tháng 11 năm 2016 thì bà N mới phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Đỗ Thị T3 có chỉnh lý về nội dung ở trang 4 là dựa trên 02 Văn bản chứng thực trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L, do đó 02 Văn bản chứng thực trên đã trực tiếp xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N. Vì vậy, bà N khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, sau khi có quyết định giải quyết khiếu nại và được hướng dẫn, bà N đã khởi kiện tại Tòa án yêu cầu tuyên hủy toàn bộ nội dung văn bản chứng thực số 22, quyền số 01/TP/CT-SCT-HĐGD ngày 13/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L về việc chứng thực văn bản phân chia tài sản thừa kế; Hủy toàn bộ nội dung văn bản chứng thực số 23, quyền số 01/TP/CT-SCT-HĐGD ngày 13/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L về việc chứng thực văn bản nhận tài sản thừa kế bởi các lý do sau:

- Quá trình giải quyết vụ án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L không cung cấp được toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc chứng thực Văn bản phân chia tài sản thừa kế và Văn bản nhận tài sản thừa kế để xem xét, đánh giá tính hợp pháp về trình tự, thủ tục chứng thực. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L xác định việc chứng thực Văn bản phân chia tài sản thừa kế và Văn bản nhận tài sản thừa kế Văn bản phân chia tài sản thừa kế và Văn bản nhận tài sản thừa kế được chứng thực đúng trình tự, thủ tục là không có căn cứ.
- Tài sản để lại thừa kế là của cụ Đỗ Văn K. Tuy nhiên, những người tham gia phân chia tài sản thừa kế và người nhận tài sản thừa kế không thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đỗ Văn K, trong khi đó bà Phạm Thị N là người thừa kế thế vị của ông Đỗ Văn B vẫn còn sống.
- Việc niêm yết Văn bản phân chia tài sản thừa kế và Văn bản nhận tài sản thừa kế là không khách quan, bởi lẽ: Ngày 22/6/2011, tại Hội trường Ủy ban nhân dân thị trấn L, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L đã trực tiếp hòa giải tranh chấp đất đai giữa bà N với ông Lư Hoàng D1, ông Lư Hoàng D2 nhưng phiên hòa giải không thành.

Mặt khác, ngay sau hòa giải (hòa giải buổi chiều ngày 22/6/2011) thì cùng ngày Ủy ban nhân dân thị trấn L niêm yết và việc niêm yết thể hiện trong lời chứng thực là vào ngày 22/6/2011, không có niêm yết tại nơi trước đây người để lại di sản thừa kế, do đó đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp cho của bà N.

Nội dung Văn bản phân chia tài sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ K diện tích đất 3.917m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận số 501 ngày 01/9/1989, tuy nhiên nội dung Văn bản nhận tài sản thừa kế thể hiện nhận tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 1.879,5m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 554637 (sổ vào sổ 01141 QSDĐ/10/2003/QĐ - UB ngày 31/12/2003) mang tên hộ bà Đỗ Thị T3.

**Tòa Sơ thẩm tuyên:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu khởi kiện của bà Phạm Thị N,
2. Tuyên hủy toàn bộ Văn bản chứng thực số 22, quyền số 01/TP/CT-SCTHĐGD ngày 13/9/2011 về việc phân chia tài sản thừa kế và Văn bản chứng thực số 23, quyền số 01/TP/CT-SCT-HĐGD ngày 13/9/2011 về việc nhận tài sản thừa kế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L

**Tòa Phúc thẩm tuyên**

Chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước; Hủy bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 15/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định của pháp luật;

**Cơ sở pháp lý:**

1. Luật Tổ tụng hành chính 2015: khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, Điều 158 và điểm b Điều 193; khoản 3 Điều 241
2. Pháp lệnh thừa kế 1990: Điều 24, 25 và 26
3. Bộ luật Dân sự 2005: Điều 676, 677, 733, 734
4. Luật đất đai năm 2003: Điều 106
5. Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực: Điều 24, 52 và 62
6. Thông tư số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất: Mục 1, mục 5 Phần 1 và mục 3 Phần 2

				<p>7. Thông tư số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất</p> <p>8. Thông tư số 03/2001/TP-CC ngày 14/3/2001 hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về Công chứng, chứng thực: Mục 7 phần 1</p> <p>9. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án</p>	
3.	01/2021/HC-PT	07/04/2021	TAND tỉnh Ninh Bình	<p><b>Bản án số 01/2021/HC-PT ngày 07/04/2021 của TAND tỉnh Ninh Bình V/v khiếu kiện quyết định hành chính</b></p> <p><b>Thông tin chung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính đối với việc từ chối công chứng, chứng thực</li> <li>- Cấp xét xử: Phúc thẩm</li> <li>- Loại án: Hành chính</li> <li>- Tòa án xét xử: TAND tỉnh Ninh Bình</li> <li>- Áp dụng án lệ: Không</li> <li>- Thông tin về vụ án: Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Văn bản số 23/UBND ngày 25/6/2020 của UBND phường N2, buộc UBND phường N2 giải quyết yêu cầu của bà T theo quy định của pháp luật</li> </ul> <p><b>Tóm tắt nội dung vụ án:</b></p> <p>Ngày 11 tháng 6 năm 2020, bà Vũ Thị T đến Ủy ban nhân dân phường N2, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (sau đây viết tắt là UBND phường N2) xin xác nhận chữ ký trên giấy ủy quyền, Công chức tư pháp phường N2 đã đưa ra nhiều lý do không xác nhận. Bà T yêu cầu trả lời bằng văn bản thì được hẹn đến ngày 12/6/2020 trả kết quả.</p> <p>Ngày 12/6/2020, bà Vũ Thị T đến UBND phường N2 thì được Công chức Tư pháp phường N2 đưa cho Phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ số 01/BPTNTKQ ngày 12/6/2020. Ngày 13/6/2020, bà T có đơn khiếu nại gửi đến UBND phường N2, người nhận đơn là Lê Thị Việt Ng. Ngày 25/6/2020, UBND phường N2 ra Văn bản số 23/UBND với nội dung: “Công chức tư pháp tiếp nhận thủ tục hành chính đã giải thích, từ chối tiếp nhận</p>	<p><a href="https://drive.google.com/file/d/1NnfcTJg0YmoKPlszSYpMeHzQVojRU3t2/view?usp=sharing">https://drive.google.com/file/d/1NnfcTJg0YmoKPlszSYpMeHzQVojRU3t2/view?usp=sharing</a></p>

hồ sơ... theo quy định và hướng dẫn bà đến cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết. UBND phường N2 trả lời để bà được biết...”. Việc UBND phường N2 không thụ lý giải quyết khiếu nại của bà T theo trình tự thủ tục quy định tại các Điều 27, 28 luật khiếu nại năm 2011. Chủ tịch UBND phường N2 trả lời tại Văn bản số 23/UBND không đúng bản chất sự việc. Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Văn bản số 23/UBND ngày 25/6/2020 của UBND phường N2, buộc UBND phường N2 giải quyết yêu cầu của bà T theo quy định của pháp luật.

**Tòa Sơ thẩm tuyên:**

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T.
4. Hủy toàn bộ Văn bản số 23/UBND ngày 25/6/2020 của Ủy ban nhân dân phường N2, thành phố N, tỉnh Ninh Bình về việc trả lời đơn khiếu nại của bà Vũ Thị T.
5. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N2, thành phố N, tỉnh Ninh Bình phải thụ lý giải quyết khiếu nại theo đúng trình tự thủ tục luật khiếu nại quy định, nếu bà Vũ Thị T còn yêu cầu giải quyết khiếu nại.

**Tòa Phúc thẩm tuyên**

Bác kháng cáo của bà Vũ Thị T và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 16-11-2020 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Cụ thể như sau:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T.
- Hủy toàn bộ Văn bản số 23/UBND ngày 25/6/2020 của Ủy ban nhân dân phường N2, thành phố N, tỉnh Ninh Bình về việc trả lời đơn khiếu nại của bà Vũ Thị T. 1.3. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N2, thành phố N, tỉnh Ninh Bình phải thụ lý giải quyết khiếu nại đúng quy định của pháp luật theo nội dung Đơn khiếu nại của bà Vũ Thị T đề ngày 13 tháng 6 năm 2020.

**Cơ sở pháp lý:**

1. Luật Tổ tụng hành chính 2015: khoản 1 Điều 241
2. Luật Khiếu nại: Điều 17, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 và Điều 34
3. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: khoản 2 Điều 32, khoản 1 Điều 34

4.	03/2022/ HC-PT	21/12/2022	TAND TP. Cần Thơ	<p><b>Bản án số 03/2022/HC-PT ngày 21/12/2022 của TAND TP. Cần Thơ V/v Khiếu kiện hành vi chứng thực</b></p> <p><b>Thông tin chung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính đối với việc từ chối công chứng, chứng thực</li> <li>- Cấp xét xử: Phúc thẩm</li> <li>- Loại án: Hành chính</li> <li>- Tòa án xét xử: TAND TP. Cần Thơ</li> <li>- Áp dụng án lệ: Không</li> <li>- Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo, y án sơ thẩm</li> </ul> <p><b>Tóm tắt nội dung vụ án:</b></p> <p>Cha là ông Hồ Văn B1 (chết) và mẹ bà Võ Thị Mỹ L có các con: Hồ Ngọc H, Hồ Bích H1, Hồ Thị Hồng P, Hồ Tấn V, Hồ Tấn T, Hồ Thị Cẩm H và Hồ Văn B1. Tất cả cùng chung hộ khẩu cấp ngày 10/9/2010, do ông Hồ Văn B1 đứng tên chủ hộ, theo văn bản xác nhận của Công an quận T ngày 15/01/2020. Năm 2010 hộ gia đình được nhà nước cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: giấy chứng nhận QSD đất số CQ00024 tại thửa đất 984, diện tích 4.500m<sup>2</sup> (LUA) và giấy số CQ00025 tại thửa 250, diện tích 2484m<sup>2</sup> (LUA) thuộc tờ bản đồ số 04. Đất tọa lạc tại khu vực X, phường T1, quận T, thành phố Cần Thơ mang tên hộ bà Võ Thị Mỹ L.</p> <p>Năm 2012 bà Võ Thị Mỹ L mang 02 giấy chứng nhận QSD đất trên đến thế chấp vay tiền ngân hàng không được, nên bà L đăng ký chuyển đổi 02 giấy chứng nhận QSD đất từ hộ bà Võ Thị Mỹ L sang cá nhân bà Võ Thị Mỹ L để tiếp tục thế chấp vay tiền ngân hàng TMCP K đến nay chưa trả được tiền vay cho ngân hàng. Việc bà L đăng ký chuyển đổi từ hộ bà L sang cá nhân bà L trên 02 giấy chứng nhận QSD đất thì người khởi kiện là con bà L và ông B nhưng trong tờ “văn bản thỏa thuận tài sản riêng quyền sử dụng đất của hộ gia đình”, được lập và ký kết tại phòng Tư pháp quận T ngày 17/4/2012 và được phòng Tư pháp quận T chứng thực tại văn bản chứng thực của Trưởng phòng Tư pháp quận T ngày 17/4/2012 ký xác nhận chứng thực thì chỉ có chữ ký của ông Hồ Văn B1, anh Hồ Tấn B, bà Hồ Thị Cẩm H, bà Võ Thị Mỹ L là không đầy đủ thành viên hộ gia đình đang sở hữu tài sản chung QSD đất.</p> <p>Việc xác nhận chứng thực nêu trên của phòng Tư pháp quận T về việc thỏa thuận tài sản chung QSD đất của hộ gia đình sang tài sản riêng của cá nhân bà Võ Thị Mỹ L mà người khởi kiện không biết và cũng không có sự đồng ý, xác nhận chữ ký tên của tất cả anh chị em, để bà L thực hiện đem thế chấp ngân hàng TMCP K. Hiện</p>	<p><a href="https://drive.google.com/file/d/1DhL5oTJTCuUwtOS503xkviE1c6XYBcf/view?usp=sharing">https://drive.google.com/file/d/1DhL5oTJTCuUwtOS503xkviE1c6XYBcf/view?usp=sharing</a></p>
----	-------------------	------------	------------------------	--	--



nay, ngân hàng đang có yêu cầu phát mãi tài sản hai QSD đất trên. Sự việc trên, phòng Tư pháp quận T đã xâm phạm trực tiếp đến toàn bộ quyền sở hữu tài sản chung, quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên hộ gia đình.

Nay yêu cầu Tòa án xem xét tuyên bố văn bản thỏa thuận tài sản riêng QSD đất của hộ gia đình, được lập và ký kết tại phòng Tư pháp quận T ngày 17/4/2012 và tờ chứng thực của Trưởng phòng Tư pháp quận T ngày 17/4/2012 ký xác nhận chứng thực là vô hiệu.

**Tòa Sơ thẩm tuyên:**

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Hồ Ngọc H, Hồ Bích H1, Hồ Thị Hồng P, Hồ Tấn V và Hồ Tấn T về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hỦy văn bản chứng thực số 207, quyển số 01/TP/CC-SCT/CK ngày 17 tháng 4 năm 2012 của Trưởng phòng Tư pháp quận T

**Tòa Phúc thẩm tuyên**

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Hồ Ngọc H, bà Hồ Bích H1, bà Hồ Thị Hồng P, ông Hồ Tấn V, ông Hồ Tấn T. Giữ y bản án sơ thẩm số 01/2022/HCST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân quận T.
2. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Hồ Ngọc H, Hồ Bích H1, Hồ Thị Hồng P, Hồ Tấn V và Hồ Tấn T về việc tuyên bố việc chứng thực của Phòng Tư pháp tại văn bản chứng thực số 207, quyển số 01/TP/CC-SCT/CK ngày 17 tháng 4 năm 2012 là trái pháp luật.

**Cơ sở pháp lý:**

1. Luật Tổ tụng hành chính 2015: Điều 5, 8, 12, 29, 30, 31, 116, 157, 191, 193, 194 và Điều 206; Khoản 1 Điều 241
2. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: khoản 1 Điều 32